

Bản án số: 33/2022/HNGĐ-ST
Ngày 05 - 4 - 2022
V/v “L hôn”

**N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM
TÒA ÁN N DÂN THỊ XÃ N - TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ái Vy

Các Hội thẩm N dân:

1. Ông Nguyễn Chung

2. Bà Lê Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Gia Linh - Thư ký Tòa án N dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát N dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Ngân - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án N dân thị xã N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 567/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2021 về việc “L hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022 và số 27/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà **Trịnh Thị Bích L** - sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn Bình T - xã B - thị xã N - tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Đình N** - sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn Bình T - xã B - thị xã N - Khánh Hòa.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trịnh Thị Bích L trình bày: Bà và ông Nguyễn Đình N tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban N dân xã B, thị xã N năm 2002. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp nên không tìm được tiếng nói chung. Ông N thường xuyên tụ tập bạn bè để nhậu nhẹt rồi về nhà kiểm soát gây sự, chửi mắng bà; thiếu trách nhiệm với gia đình, không quan tâm chăm sóc vợ con. Mặc dù bà đã cố gắng chịu đựng nhưng ông N vẫn không khắc phục nên vợ chồng không thể hòa hợp được và đã không chung sống với nhau từ tháng 11/2021 cho đến nay. Bà L xác định không còn tình cảm, vợ

chồng không thể hàn gắn được nên yêu cầu ly hôn với ông N. Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thành N - sinh ngày 06/7/2003 và Nguyễn Thành Đ - sinh năm 25/7/2007; con chung Nguyễn Thành N đã trưởng thành, khỏe mạnh nên bà L không có yêu cầu gì; bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Thành Đ và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Đình N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia giải quyết vụ án. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng đối với ông Nguyễn Đình N theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát N dân thị xã N phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng nguyên đơn đều thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn ông N không chấp hành theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Đình N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông N theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét thấy quan hệ hôn N của bà L và ông N đã mâu thuẫn trầm trọng nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bà L được ly hôn ông N theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Đề nghị giao con chung Nguyễn Thành Đ - sinh ngày 25/7/2007 cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà L không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Bà L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Đình N đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông N.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về hôn N và gia đình giữa bà Trịnh Thị Bích L và ông Nguyễn Đình N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án N dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn N: Bà Trịnh Thị Bích L và ông Nguyễn Đình N tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban N dân xã B, huyện Ninh Hòa (nay là thị xã N) (*giấy chứng nhận kết hôn số 77, ngày 27/9/2002*) đây là quan hệ hôn N hợp

pháp. Quá trình chung sống với nhau giữa bà L và ông N đã phát sinh mâu thuẫn kéo dài không được khắc phục, làm ảnh hưởng lớn đến tình cảm dẫn đến bà L không còn chung sống với ông N và yêu cầu ly hôn. Đối với ông Nguyễn Đình N mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông không đến nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được, qua đó cũng chứng minh được ông N không còn tình cảm với bà L và không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà L và ông N đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L là hoàn toàn phù hợp.

[4] Về con chung: Bà L và ông N có 02 con chung là Nguyễn Thành N - sinh ngày 06/7/2003 và Nguyễn Thành Đ - sinh ngày 25/7/2007. Con chung Nguyễn Thành N đã trưởng thành, khỏe mạnh nên bà L không có yêu cầu gì. Bà L là người đang trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Thành Đ và bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Xét yêu cầu của bà L phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà L không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát N dân thị xã N là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bà Trịnh Thị Bích L được ly hôn ông Nguyễn Đình N.

2. Về con chung: Con chung Nguyễn Thành N - sinh ngày 06/7/2003 đã trưởng thành, khỏe mạnh.

Bà Trịnh Thị Bích L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Thành Đ - sinh ngày 25/7/2007. Bà L không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Bà Trịnh Thị Bích L nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà bà L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004222 ngày 23/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N. Bà L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- UBND xã B, Ninh Hòa;
(nơi đăng ký kết hôn)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đặng Thị Ái Vy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Chuyên

Trần Thị Hiến

Đặng Thị Ái Vy

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- UBND xã Ninh Thân, Ninh Hòa;
(nơi đăng ký kết hôn)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Ái Vy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Truyền

Nguyễn Chung

Đặng Thị Ái Vy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hoa

Nguyễn Lơn

Đặng Thị Ái Vy

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- UBND xã Ninh Thọ, Ninh Hòa;
(nơi đăng ký kết hôn)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Ái Vy